

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 02 – 2025

“V/v Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ
chồng mà không đăng ký kết
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1997 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 20, xã Nguyễn Ph, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Tô Cà Lg, sinh năm: 1993 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Phú Th, xã Tân Hưng T, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Ngọc H là nguyên đơn thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh Tô Cà Lg xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến tháng 9 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị bất đồng quan điểm, dẫn đến cự cãi thường xuyên nên anh, chị không thể tiếp tục chung sống được nữa. Mâu thuẫn giữa vợ chồng cha, mẹ hai bên có tổ chức hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Anh, chị đã ly thân khoảng giữa năm 2019 cho đến nay. Chị H cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Tô Cà Lg.

Về con chung: Chị H xác định: Anh, chị có một người con chung tên Tô Hoàng Nh, sinh ngày 02/5/2018, hiện con đang sống cùng chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H khai vợ chồng anh, chị không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình giải quyết vụ án anh Tô Cà Lg trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lg xác định về thời gian kết hôn, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như lời chị H trình bày là đúng. Nay chị H xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lg xác định: Anh, chị có một người con chung tên Tô Hoàng Nh, sinh ngày 02/5/2018, hiện con đang sống cùng chị H. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh Lg không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Lg xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh Lg khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc H về việc xin ly hôn với anh Tô Cà Lg thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; anh Lung là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Tân Phú Th, xã Tân Hưng T, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Ngọc H, anh Tô Cà Lg có đơn xin không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh Lg theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Tô Cà Lg xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, ở địa phương. Có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, cho nên hôn nhân giữa anh, chị không thỏa mãn về mặt hình thức. Nay anh, chị yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn dẫn đến cự cãi thường xuyên, không tin tưởng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt. Anh, chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án anh, chị đều có nguyện vọng muốn ly hôn.

Xét mâu thuẫn thực tế của anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên anh, chị không được công nhận là vợ, chồng.

[4] Về con chung: Chị H, anh L thỏa thuận giao cháu Tô Hoàng Nh, sinh ngày 02/5/2018, hiện đang sống cùng chị H cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy việc nuôi dạy con là quyền và nghĩa vụ của chị H, anh Lg. Giao con cho chị H hoặc anh L trực tiếp nuôi dạy cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con nhưng không phải giao con cho chị H thì người không trực tiếp nuôi con bị tước đi các quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Mặc dù, chị H khai anh, chị đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dạy con nhưng việc anh, chị ly hôn đã phần nào ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của con nên cần phải hạn chế đến mức thấp nhất việc ảnh hưởng đời sống và bảo đảm được việc học hành, sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần của con. Để tránh sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống của con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Tô Hoàng Nh cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị H, anh Lg xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị H, anh Lg khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và Tô Cà Lg là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Hoàng Nh, sinh ngày 02/5/2018, hiện con đang sống với chị H, cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lg không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh Lg xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung và người khác nợ lại: Chị H, anh Lg khai vợ chồng không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng. Ngày 13 tháng 02 năm 2025, chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0003825 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị H, anh L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Lê Thúy Dung